truefriend KIS Viet Nam Securities Corporation

Chiến lược
Tháng

12/11/2026

Chiến lược đầu tư

Kỳ vọng bước vào giai đoạn tăng trưởng

Tâm lý thận trọng

Thị trường chứng khoán trải qua tháng 10 kém tích cực khi áp lực bán tiếp tục chi phối, khiến các chỉ số và phần lớn nhóm ngành đồng loạt giảm điểm. Đáng chú ý, nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn và Bất động sản chịu áp lực điều chỉnh mạnh hơn, trong khi thanh khoản chỉ cải thiện nhẹ về khối lượng nhưng chưa cho thấy sự khởi sắc về giá trị giao dịch.

Kết quả bầu cử giữa nhiệm kỳ tại Mỹ

Đảng Dân chủ đã giành quyền kiểm soát cả hai viện của Quốc hội trong cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ, một phần xuất phát từ sự bất mãn của cử tri trước xung đột tại Iran và giá nhiên liệu ở mức cao. Tổng thống Trump nhiều khả năng sẽ gặp nhiều trở ngại hơn trong quá trình thông qua các dự luật, đồng thời Washington có thể ưu tiên giảm căng thẳng với Iran và hạ nhiệt giá dầu. Do quyền áp thuế chủ yếu thuộc về nhánh hành pháp, Quốc hội sẽ tác động đến chính sách thương mại chủ yếu thông qua hoạt động giám sát.

Lộ trình lãi suất của Fed

Fed đã giữ nguyên lãi suất ở mức 3.75-4.00% trong tháng 10, trong bối cảnh lạm phát vẫn cao hơn đáng kể so với mục tiêu 2%, trong khi các dữ liệu về thị trường lao động đưa ra những tín hiệu trái chiều. Chúng tôi dự báo Fed sẽ thực hiện một lần tăng lãi suất thêm 0.25 điểm phần trăm trong tháng 12, sau đó duy trì mặt bằng lãi suất ổn định.

Triển vọng thị trường dầu mỏ

Giá dầu Brent giảm xuống khoảng 92-94 USD/thùng sau chiến thắng của Đảng Dân chủ trong cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ và tín hiệu từ Tổng thống Trump rằng xung đột với Iran có thể sớm kết thúc. Hoạt động xuất khẩu dầu tại khu vực Vịnh phục hồi cùng với sản lượng gia tăng từ OPEC đã tạo thêm áp lực giảm giá. Tuy nhiên, lượng tồn kho ở mức thấp và những căng thẳng chưa được giải quyết tại eo biển Hormuz vẫn tiềm ẩn rủi ro đối với nguồn cung dầu toàn cầu.

Mục lục

I. Thị trường cần chờ thêm tín hiệu mới 1

1. Tâm lý thận trọng chi phối 1
2. Đà giảm lan rộng 1
3. Thanh khoản tăng nhẹ 2
4. Nhóm khối ngoại bán ròng mạnh 3

II. Sự cải thiện đáng kể trong các yếu tố cơ bản 3

1. Kết quả bầu cử giữa nhiệm kỳ tại Mỹ 3
2. Định hướng lãi suất của Fed 4
3. Diễn biến giá dầu thế giới 5
4. Giai đoạn khó khăn nhất trong năm 7

VUI LÒNG THAM KHẢO NGUYÊN TẮC KHUYẾN NGHỊ, THÔNG TIN CÔNG KHAI VÀ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM Ở CUỐI BÁO CÁO

I. Thị trường cần chờ thêm tín hiệu mới

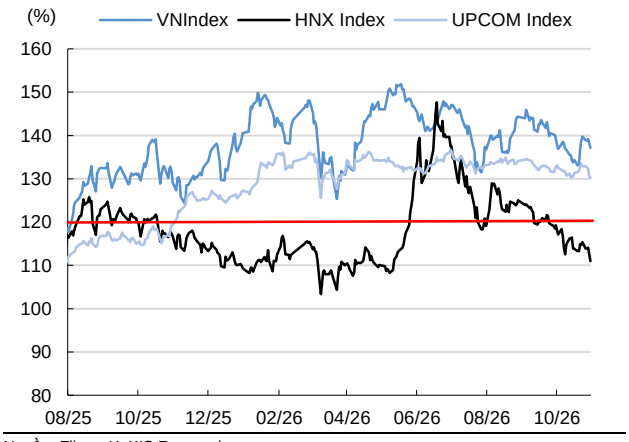
1. Tâm lý thận trọng chi phối

Thị trường điều chỉnh. Trong tháng 10, thị trường chứng khoán tiếp tục duy trì tâm lý thận trọng khi áp lực bán chiếm ưu thế, khiến các chỉ số liên tục điều chỉnh và VNIndex có thời điểm lùi xuống dưới ngưỡng 1,700 điểm. Tuy nhiên, lực cầu dần cải thiện trong giai đoạn cuối tháng, giúp thị trường hồi phục và VNIndex kết thúc tháng tại 1,741 điểm. Nhìn chung, cả ba sàn đều ghi nhận diễn biến giảm điểm, trong đó HNXIndex giảm mạnh nhất 6.9% so với tháng trước. Theo sau là UPCOMIndex và VNIndex với mức giảm lần lượt 2.0% và 1.5%.

Nhóm vốn hóa lớn suy yếu. Xét theo quy mô vốn hóa, áp lực điều chỉnh tập trung rõ nét hơn ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Cụ thể, VN30 ghi nhận mức giảm 2.7% trong tháng, cao hơn mức giảm 1.8% của nhóm vốn hóa vừa (VNMID) và 1.2% của nhóm vốn hóa nhỏ (VNSML).

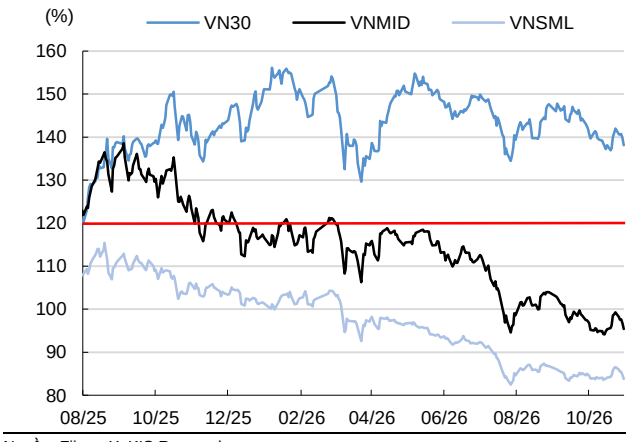
Nhìn chung, thị trường trải qua một tháng giao dịch kém tích cực khi áp lực bán khiến các chỉ số đồng loạt giảm điểm, bất chấp nhịp hồi phục trong những phiên cuối tháng. Đáng chú ý, nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn giảm sâu hơn các nhóm còn lại, phản ánh sự thận trọng của dòng tiền đối với các cổ phiếu có ảnh hưởng lớn đến chỉ số. Mặc dù VNIndex đã hồi phục trở lại trên ngưỡng 1,700 điểm vào cuối tháng, xu hướng thị trường vẫn cần thêm tín hiệu tích cực để củng cố đà phục hồi.

Hình 1. Tăng trưởng của các chỉ số chính tại Việt Nam



Nguồn: FiinproX, KIS Research
Ghi chú: Bắt đầu từ 01/25 = 100

Hình 2. Tăng trưởng của nhóm chỉ số chính của HOSE



Nguồn: FiinproX, KIS Research
Ghi chú: Bắt đầu từ 01/25 = 100

2. Đà giảm lan rộng

Sắc đỏ chiếm ưu thế. Trong tháng 10, diễn biến điều chỉnh tiếp tục bao trùm phần lớn các nhóm ngành trên thị trường, khi chỉ có bốn nhóm ghi nhận tăng điểm. Trong đó, hai nhóm tăng điểm mạnh nhất là Thiết bị & Dịch vụ y tế và Dịch vụ tiêu dùng, với mức tăng lần lượt 18.8% và 13.5%.

Bất động sản dẫn đầu đà giảm. Xét theo nhóm ngành vốn hóa lớn, nhóm Bất động sản chịu áp lực bán mạnh nhất khi giảm 16.1%, đánh dấu tháng giảm điểm thứ hai liên tiếp. Bên cạnh đó, hai nhóm ngành là Chứng khoán và Ngân hàng cũng chịu rủi ro tương tự khi ghi nhận mức giảm lần lượt 4.8% và 2.7% so với tháng trước.

Áp lực điều chỉnh duy trì. Tại các nhóm ngành còn lại, xu hướng giảm điểm nhìn chung vẫn chiếm ưu thế, cho thấy áp lực điều chỉnh không chỉ tập trung ở một số nhóm cổ phiếu chủ chốt mà còn lan rộng trên nhiều lĩnh vực. Điều này phản ánh tâm lý giao dịch thận trọng và sự suy yếu của dòng tiền trên thị trường trong tháng 10.

Nhìn chung, thị trường ghi nhận diễn biến kém tích cực khi phần lớn các nhóm ngành đồng loạt giảm điểm, trong đó Bất động sản là nhóm chịu áp lực đáng kể nhất. Mặc dù có một số nhóm ngành nhỏ duy trì đà tăng, nhưng nhìn chung diễn biến này chưa đủ để cải thiện bức tranh chung.

Bảng 1: Tỷ suất sinh lời của các chỉ số chủ đạo và các ngành

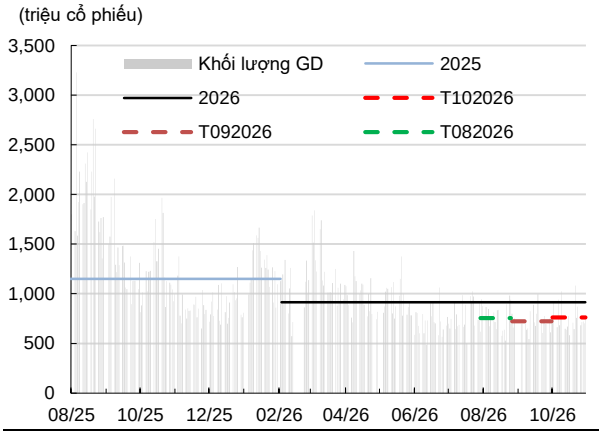
TT	Chỉ số. Ngành	Vốn hóa *(Tỷ đồng)*	% Vốn hóa *(%)*	Tỷ suất sinh lời theo tháng trong năm 2026							2026 YTD
				10	9	8	7	6	5	4	
	a. Chỉ số										
1	VNINDEX	7341.1	85.8	(1.5)	(3.5)	5.6	(6.7)	(0.2)	0.5	10.7	(2.6)
2	HNX Index	376.7	4.4	(7.0)	(4.6)	5.0	(13.4)	6.2	17.7	(0.1)	2.4
3	UPCOM Index	837.6	9.8	(2.0)	(0.9)	0.7	(2.6)	3.8	(1.8)	0.8	2.6
4	VN30 Index	5119.4	59.8	(2.7)	(3.8)	5.9	(6.2)	(0.1)	(1.3)	10.6	(8.6)
	b. Ngành										
1	Ngân hàng	2865.8	33.5	(2.7)	(2.3)	5.8	(7.8)	2.0	1.9	2.7	(3.0)
2	Khác	733.5	8.6	(1.2)	(3.0)	5.1	(2.7)	4.4	(0.3)	(0.9)	(13.2)
3	Bất động sản	1405.2	16.4	(16.1)	(5.6)	7.3	(3.7)	0.9	0.1	45.5	(39.0)
4	Nguyên vật liệu	548.7	6.4	(0.2)	(3.2)	6.7	(10.0)	(3.3)	(2.2)	1.7	(1.8)
5	Thực phẩm & Đồ uống	472.2	5.5	(1.7)	(3.5)	2.9	0.3	(1.8)	(2.1)	(0.4)	(13.5)
6	Dịch vụ Tiện ích	301.4	3.5	0.1	2.8	13.3	(7.7)	(4.9)	9.1	(3.2)	24.4
7	Công nghiệp sản xuất	424.8	5.0	(5.2)	0.0	4.2	(14.9)	4.4	48.5	(3.1)	5.8
8	Dịch vụ Tài chính	394.9	4.6	(4.8)	(10.8)	3.2	(9.2)	2.1	0.1	0.4	(15.6)
9	Vận tải	329.4	3.9	(4.1)	(2.0)	3.7	(7.0)	3.5	(3.9)	6.2	(0.1)
10	Năng lượng	194.5	2.3	(8.9)	10.4	6.7	(0.9)	(12.1)	15.9	(11.0)	39.7
11	Phần mềm & dịch vụ	188.0	2.2	(7.5)	6.2	8.6	(4.8)	(1.7)	(5.1)	0.8	(1.2)
12	Bán lẻ	151.6	1.8	0.4	(3.3)	8.5	(6.7)	1.8	(9.0)	1.1	(9.7)
13	Bảo hiểm	83.3	1.0	(6.5)	9.1	4.6	(5.7)	(4.2)	(1.6)	(9.5)	4.4
14	Tiêu dùng không thiết yếu	57.0	0.7	(6.8)	(12.0)	11.8	(27.5)	(3.1)	(0.1)	(4.5)	(21.5)
15	Dược & sinh học	46.8	0.5	2.0	(4.6)	1.2	(4.7)	(1.6)	(2.6)	(2.9)	22.1
16	Phần cứng & thiết bị	11.4	0.1	4.6	(7.2)	12.8	(7.7)	(1.1)	(5.8)	(3.2)	(41.9)
17	Dịch vụ thương mại	10.5	0.1	(0.5)	(2.1)	4.7	(4.0)	1.1	(1.0)	1.9	(6.2)
18	Ô tô & phụ tùng	8.1	0.1	(4.6)	(4.8)	(4.4)	(3.9)	(3.1)	(0.3)	(2.9)	(23.0)
19	Dịch vụ tiêu dùng	148.9	1.7	13.5	1.8	(2.4)	(11.3)	(4.0)	9.4	2.7	(9.8)
20	Hàng hóa cá nhân	4.3	0.0	(4.6)	3.3	0.6	(8.3)	(2.7)	(4.8)	(4.4)	(21.1)
21	Thiết bị & DV y tế	3.6	0.0	18.8	(19.8)	(0.1)	(4.8)	(9.0)	(8.0)	(2.2)	(36.7)
22	Truyền thông & giải trí	4.4	0.1	(1.2)	1.0	2.3	(17.2)	10.1	(0.3)	(4.1)	(25.6)
23	Dịch vụ viễn thông	2.7	0.0	(0.9)	(1.2)	(5.8)	(28.5)	(4.0)	(2.0)	(3.2)	(8.3)

Nguồn: Bloomberg, KIS Research
Ghi chú: Phân loại theo GICS cấp 2: Nhóm ngành; và dữ liệu được thống kê dựa trên tất cả các cổ phiếu được niêm yết trên cả 3 sàn HOSE, HNX và UPCOM

3. Thanh khoản tăng nhẹ

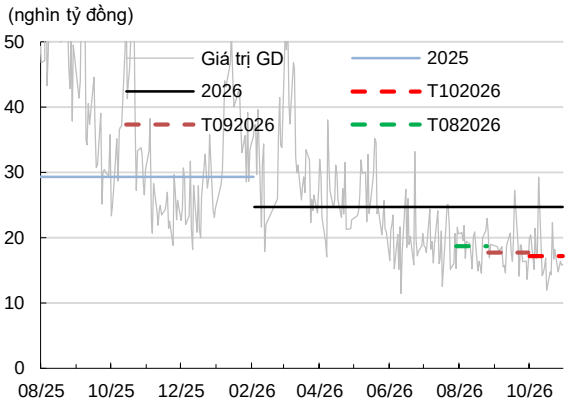
Thanh khoản cải thiện. Trong tháng 10, thanh khoản thị trường ghi nhận sự cải thiện nhẹ về khối lượng giao dịch, mặc dù diễn biến chung vẫn chịu áp lực điều chỉnh. Cụ thể, khối lượng giao dịch bình quân đạt 759 triệu cổ phiếu, tăng 5.0% so với tháng trước, trong khi giá trị giao dịch bình quân đạt VND17,186bn, giảm 3.1%. Diễn biến trái chiều giữa khối lượng và giá trị giao dịch cho thấy hoạt động giao dịch có phần sôi động hơn, song dòng tiền vẫn duy trì trạng thái thận trọng và chưa cho thấy sự cải thiện rõ nét về quy mô vốn tham gia thị trường.

Hình 3. Khối lượng giao dịch trung bình năm 2026



Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 4. Giá trị giao dịch trung bình năm 2026

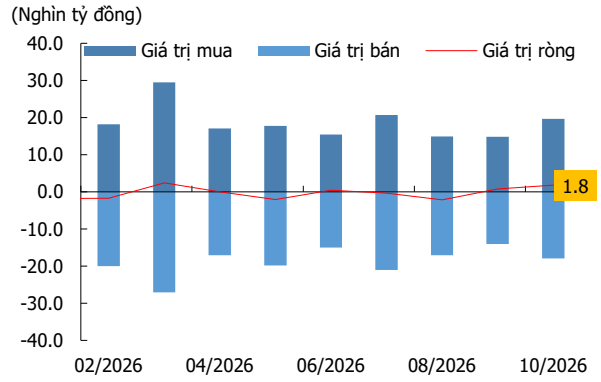


Nguồn: FiinproX, KIS Research

4. Nhóm khối ngoại bán ròng mạnh

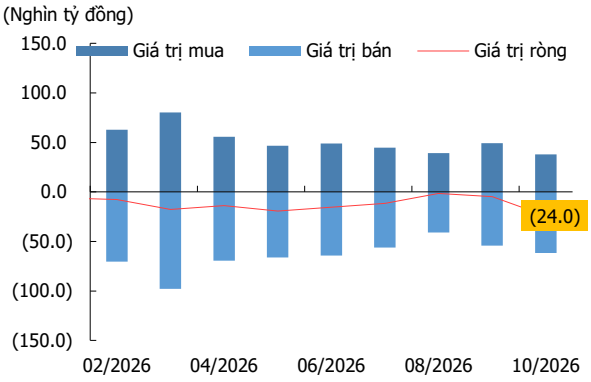
Khối ngoại tiếp tục bán ròng trong khi tự doanh có xu hướng mua ròng mạnh. Khối ngoại tiếp tục nối dài đà bán ròng sang tháng thứ 10 liên tiếp, với tổng giá trị rút ròng lên đến VND24.0tn, tăng mạnh 397.4% so với tháng trước. Đây là tháng rút ròng mạnh nhất kể từ đầu năm cho đến nay. Đáng chú ý, quy mô bán ròng gia tăng đáng kể cho thấy áp lực rút vốn của khối ngoại tiếp tục duy trì ở mức cao trong bối cảnh thị trường điều chỉnh. Ở chiều ngược lại, nhóm tự doanh ghi nhận chuỗi hai tháng mua ròng liên tiếp, với giá trị mua ròng lên đến VND1.7tn, tăng mạnh 138.1% so với tháng trước.

Hình 5. Giá trị ròng tự doanh theo tháng



Nguồn: FiinproX, KIS Research

Hình 6. Giá trị ròng khối ngoại theo tháng



Nguồn: FiinproX, KIS Research

II. Sự cải thiện đáng kể trong các yếu tố cơ bản

1. Kết quả bầu cử giữa nhiệm kỳ tại Mỹ

Cục diện chính trị Mỹ và định hướng điều hành. Đảng Dân chủ giành quyền kiểm soát cả Hạ viện và Thượng viện trong cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ ngày 3/11. Số ghế chính thức chưa được công bố khi một số bang vẫn đang kiểm phiếu. Theo CBS, kết quả này một phần phản ánh sự bất mãn của cử tri với chiến sự Iran và giá xăng dầu cao.

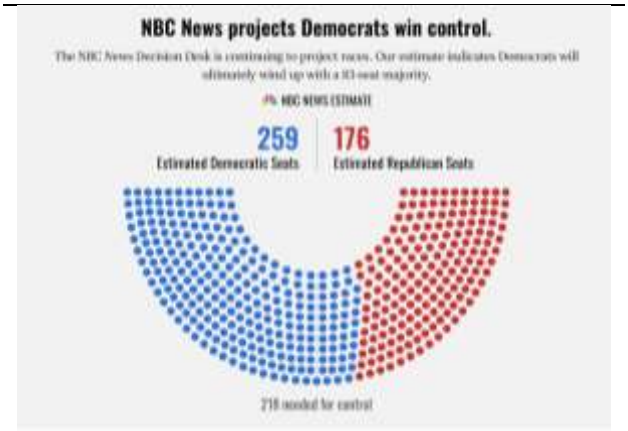
Với kết quả này, hai năm còn lại trong nhiệm kỳ của Tổng thống Donald Trump sẽ khó khăn hơn trong việc thông qua luật. Đặc biệt, áp lực chính trị có thể khiến Washington ưu tiên hạ nhiệt căng thẳng với Iran và ổn định giá dầu ở vùng thấp để giúp kiềm chế lạm phát tại Mỹ.

Hình 7. Kết quả bầu cử Thượng viện Mỹ



Nguồn: NBCnews, KIS Research

Hình 8. Kết quả bầu cử Hạ viện Mỹ



Nguồn: NBCnews, KIS Research

Chính sách thuế quan và tác động lên thương mại. Công cụ thuế quan hiện nay của Mỹ chủ yếu nằm ở phía hành pháp, nên Quốc hội mới khó thay đổi trực tiếp. Ngày 20/2/2026, Tòa án Tối cao Mỹ phán quyết Đạo luật IEEPA không cho phép Tổng thống áp thuế, khiến mức thuế đối ứng 20% với hàng Việt Nam mất cơ sở pháp lý. Thuế toàn cầu thay thế theo Điều 122 chỉ kéo dài tối đa 150 ngày. Từ ngày 24/7/2026, theo các trang tra cứu thuế quan, hàng Việt Nam chịu thuế 12.5% theo Điều 301, do Đại diện Thương mại Mỹ (USTR) điều hành.

Vì vậy, Quốc hội do Đảng Dân chủ kiểm soát chủ yếu tác động qua giám sát chính sách và khả năng chặn các đạo luật thuế mới. Rủi ro với thương mại vẫn đáng kể, bởi Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam. Năm 2025, xuất khẩu sang Mỹ đạt khoảng 153.2 tỷ USD, chiếm 32.2% tổng kim ngạch. Thỏa thuận thương mại đối ứng giữa hai nước đến nay vẫn chưa được ký.

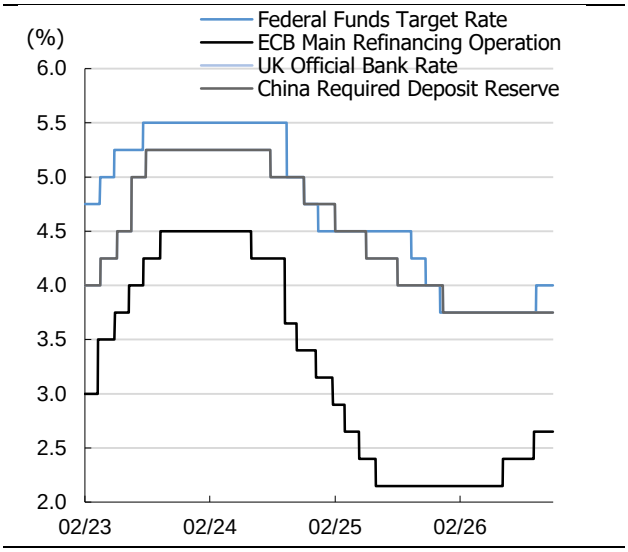
2. Định hướng lãi suất của Fed

Lạm phát chưa về đích. Fed giữ lãi suất ở mức 3.75-4.00% trong cuộc họp ngày 28/10, sau khi tăng 0.25 điểm phần trăm vào tháng 9. Quyết định không hoàn toàn đồng thuận khi hai thành viên muốn tăng ngay. Lý do là lạm phát vẫn cao: PCE tháng 9 tăng 3.6% so với cùng kỳ, PCE lõi tăng 3.1%, trong khi mục tiêu của Fed là 2%.

Thị trường lao động phát tín hiệu trái chiều. Tháng 9, kinh tế Mỹ chỉ có thêm 29.000 việc làm. Tuy nhiên, báo cáo ADP tháng 10 ghi nhận 86.000 việc làm tư nhân, cao hơn mức dự báo 69.000.

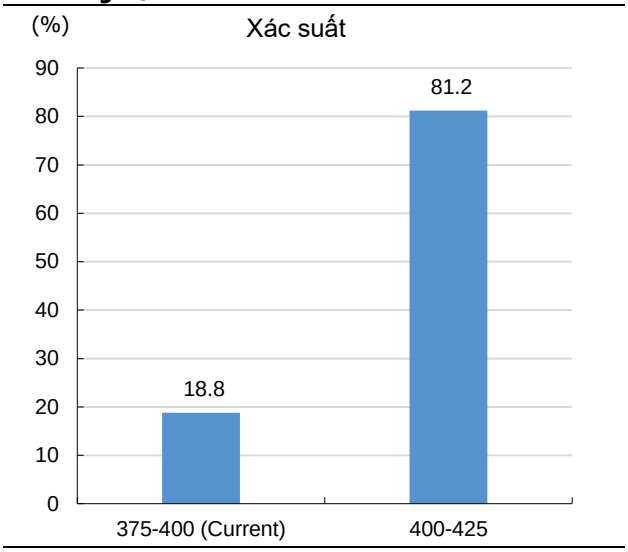
Tăng một nhịp rồi giữ nguyên. Thị trường và giới phân tích khá đồng thuận về cuộc họp tháng 12. Nếu Fed tăng 0.25 điểm phần trăm, lãi suất sẽ lên 4.00-4.25%. Thống kê của các tổ chức lớn đang ủng hộ kịch bản này. JPMorgan xem đây là bước tăng đơn lẻ, không mở ra chu kỳ thắt chặt kéo dài.

Hình 9. Lãi suất mục tiêu của quỹ liên bang



Nguồn: Bloomberg, KIS Research

Hình 10. Xác suất các mức lãi suất mục tiêu tại cuộc họp Fed tháng 12/2026



Nguồn: CME, KIS Research

Tác động lên tỷ giá: Ngắn hạn hạ nhiệt, trung hạn còn sức ép. Tỷ giá tại Việt Nam đang được hỗ trợ trong ngắn hạn nhờ đồng USD suy yếu. Chỉ số DXY (USD Index) lùi về 101,41, mức thấp nhất kể từ cuối tháng 9. Ngày 5/11, tỷ giá trung tâm ở mức 25.627 đồng/USD. Tuy vậy, UOB dự báo tỷ giá có thể lên 26.300-26.800 đồng/USD trong các quý tới do chênh lệch lãi suất với Mỹ thu hẹp.

Lãi suất trong nước chịu sức ép ngược chiều. Ngân hàng Nhà nước yêu cầu giảm lãi suất huy động kỳ hạn từ 6 tháng trở lên ít nhất 0.5%/năm và giảm lãi vay khoảng 1.5-2.0%/năm. Trong khi đó, UOB dự báo lãi suất tái cấp vốn giữ ở mức 4.5% đến hết năm 2027, nhưng rủi ro đã nghiêng về khả năng tăng. Nếu Fed tăng thêm, dư địa nới lỏng trong nước sẽ càng hẹp.

Bảng 2. Các kịch bản lãi suất Fed năm 2027

Kịch bản	Hành động của Fed và lộ trình lãi suất	Điều kiện chính và ghi chú
Kịch bản cơ sở	Tăng lãi suất vào tháng 12, sau đó duy trì ở mức khoảng **4.1%** trong thời gian dài	Không cắt giảm lãi suất trong suốt năm 2027
Kịch bản thắt chặt	Tiếp tục tăng lãi suất trong **quý I/2027**	Lãi suất có thể đạt **4.25-4.50%**
Kịch bản nới lỏng	Tạm dừng tăng lãi suất trong tháng 12	Kịch bản có thể xảy ra nếu các dữ liệu kinh tế vĩ mô suy yếu bất ngờ

Nguồn: FTSE Russell, Bloomberg, KIS Research

Các mốc dữ liệu trọng tâm và hàm ý cho năm 2027. Thị trường sẽ theo dõi chỉ số CPI tháng 10 của Mỹ vào ngày 10/11 và PCE vào ngày 25/11, trước khi Fed họp ngày 8-9/12 và công bố dự báo kinh tế mới. Dự báo này sẽ cho thấy đánh giá của Fed về triển vọng năm 2027.

3. Diễn biến giá dầu thế giới

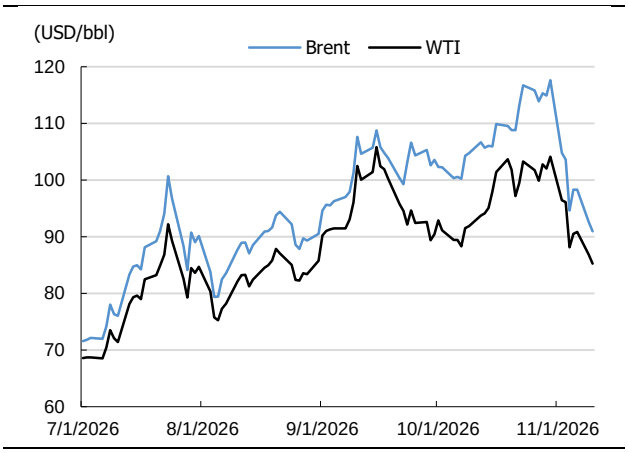
Vì sao giá dầu giảm nhanh

Động lực chính là kỳ vọng chính trị. Đảng Dân chủ giành quyền kiểm soát cả hai viện Quốc hội Mỹ trong bầu cử ngày 3/11. Sau cuộc gặp Thủ tướng Qatar ngày 9/11, Tổng thống Trump nói xung đột có thể sớm kết thúc và hiện chưa

cần hành động quân sự. Brent mất khoảng 16% trong tuần trước, rồi giảm thêm gần 5% ngày 9/11, về quanh 92-94 USD/thùng, thấp nhất từ cuối tháng 8.

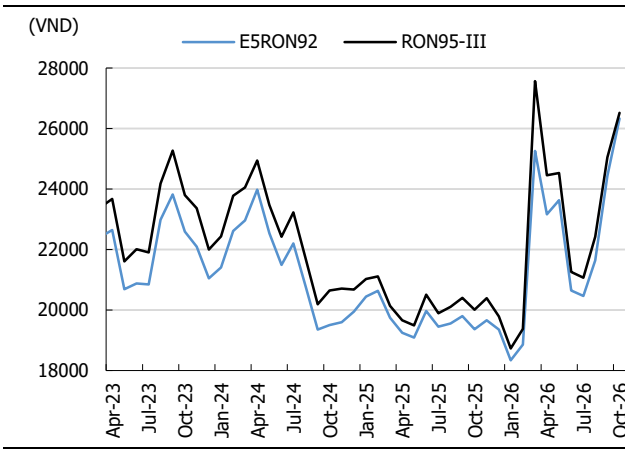
Nguồn cung cũng cải thiện. Theo dữ liệu Kpler do Reuters dẫn, xuất khẩu dầu thô vùng Vịnh tháng 10 đạt 16.6 triệu thùng/ngày, sát mức 17 triệu trước chiến tranh, nhờ các đoàn tàu được hải quân Mỹ hộ tống qua Hormuz. Sản lượng OPEC tháng 10 tăng gần 1.4 triệu thùng/ngày. JPMorgan ước tính thị trường thặng dư 1,4 triệu thùng/ngày trong tháng 10.

Hình 11. Diễn biến giá dầu toàn cầu



Nguồn: Bloomberg, KIS Research

Hình 12. Giá xăng dầu tại Việt Nam



Nguồn: JPSGAS , KIS Research

Tác động đến Việt Nam

Dù vậy, rủi ro vẫn lớn. Dự trữ dầu chiến lược của Mỹ thấp nhất từ năm 1982, còn tồn kho dầu diesel toàn cầu rất mỏng. Iran đề xuất kế hoạch hai ngày: Mỹ dỡ phong tỏa trước, Iran mở lại Hormuz sau. Mỹ chưa chấp nhận, Ngoại trưởng Rubio cho rằng điều kiện của Iran phi thực tế, trong khi các vụ tấn công tàu biển vẫn tiếp diễn.

Bảng 3. Các kịch bản giá dầu trong tương lai

Kịch bản	Khoảng giá	Các yếu tố thúc đẩy và điều kiện thị trường
Kịch bản tích cực	**$70 - $80**	Thỏa thuận hòa bình được thiết lập, hoạt động cung ứng dầu trở lại bình thường
Kịch bản cơ sở	**$85 - $105**	Các cuộc đàm phán kéo dài; giá dầu biến động theo những thông tin mới và dữ liệu tồn kho
Kịch bản tiêu cực	**> $120**	Xung đột leo thang hoặc các cơ sở hạ tầng dầu mỏ trọng yếu bị tấn công

Nguồn: Bloomberg, KIS Research

Giá dầu tác động trực tiếp đến lạm phát trong nước. CPI bình quân 10 tháng tăng 4.57%, vượt mục tiêu 4.5%, trong đó giá nhiên liệu tăng 13.09%. Riêng tháng 10, CPI tăng 5.09% so với cùng kỳ, còn giá xăng tăng 6.86% so với tháng trước.

Chính sách đã phản ứng sớm. Thuế tiêu thụ đặc biệt với xăng về 0% từ 1/11/2026 đến hết 31/3/2027. Cùng hai kỳ giảm giá ngày 3/11 và 5/11, giá tối đa xăng E5 RON92 hiện còn 20,898 đồng/lít, thấp hơn khoảng 5.100 đồng so với cuối tháng 10. Tuy nhiên, dầu diesel không thuộc diện chịu thuế này và chỉ giảm khoảng 1,550 đồng/lít, nên chi phí vận tải hàng hóa vẫn cao.

Các mốc cần theo dõi

Trong ngắn hạn, thị trường theo dõi phản hồi của Washington với đề xuất do Qatar chuyển, các cuộc gặp của ông Trump tại APEC tuần tới và các báo cáo tháng 11 của EIA, OPEC và IEA. Xa hơn là thời điểm Quốc hội mới của Mỹ nhậm chức vào tháng 1/2027 và ngày 31/3/2027, khi thuế 0% với xăng hết hiệu lực.

4. Giai đoạn khó khăn nhất trong năm

Lợi suất vượt trội theo tháng (Abnormal Returns) được tính bằng cách lấy lợi suất trung bình năm trừ đi mức lợi suất bình quân của từng tháng. Bảng dưới đây minh họa mức lợi suất bất thường (Abnormal Returns) trong ba giai đoạn khác nhau: 2001-2025, 2011-2025 và 2015-2025, qua đó cho thấy ba điểm đáng chú ý:

Thứ nhất, tháng 9 và tháng 10 thường xuyên ghi nhận hiệu suất kém tích cực hơn so với các tháng còn lại trong năm, thể hiện qua mức lợi suất bất thường bình quân âm trong cả ba giai đoạn phân tích. Đáng chú ý, tháng 10 là tháng có diễn biến yếu nhất, với xác suất ghi nhận mức sinh lời dương chỉ đạt 28-36% - thấp nhất trong số các tháng ở cả ba giai đoạn. Xu hướng này duy trì nhất quán qua nhiều khung thời gian, cho thấy đây không đơn thuần là sự trùng hợp ngẫu nhiên. Đặc biệt, mức suy yếu trong giai đoạn tháng 9-10 còn có xu hướng gia tăng trong những năm gần đây.

Thứ hai, thị trường thường có xu hướng phục hồi trong tháng 11 và tháng 12, với diễn biến này ngày càng rõ nét hơn trong những năm gần đây. Trong giai đoạn 2015-2025, lợi suất bất thường bình quân lần lượt đạt +1.4% trong tháng 11 và +0.7% trong tháng 12, cùng với xác suất ghi nhận mức sinh lời dương là 55%. Điều này cho thấy giai đoạn tháng 9-10 có thể được xem là vùng đáy theo yếu tố mùa vụ của thị trường.

Bảng 4. Thống kê Lợi nhuận bất thường (abnormal returns) theo tháng của các năm cho HOSE

Phần A	Lợi nhuận bất thường												Tỷ suất lợi nhuận hằng năm
Năm	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
2000								113.4	104.8	116.7	119.8	122.6	
2001	17.8	1.6	5.6	18.1	24.8	22.7	(16.6)	(35.4)	(13.0)	5.4	9.8	(19.5)	1.08
2002	(9.8)	(5.9)	6.8	6.2	1.4	(0.4)	(0.2)	(0.9)	(2.9)	(0.4)	2.2	5.1	(2.06)
2003	(5.2)	(3.7)	(10.9)	5.7	0.6	0.8	(3.1)	(1.7)	(1.6)	(1.5)	21.1	2.7	(0.78)
2004	25.3	18.5	3.4	(7.7)	(7.8)	(4.0)	(7.6)	(5.6)	(2.7)	(3.3)	(4.3)	1.2	3.05
2005	(4.6)	(1.3)	2.7	(2.2)	(2.9)	(1.1)	(2.6)	1.5	11.6	4.1	(0.8)	(3.3)	2.11
2006	(6.2)	17.3	21.2	10.5	(17.2)	(12.1)	(25.8)	8.5	(0.5)	(10.6)	16.0	11.0	7.73
2007	36.8	7.5	(7.6)	(15.5)	15.3	(7.0)	(13.2)	(1.7)	13.5	(0.0)	(10.5)	(6.4)	1.76
2008	(0.4)	(12.8)	(13.5)	9.7	(12.1)	5.0	21.6	29.9	(8.0)	(15.4)	(0.7)	8.9	(8.59)
2009	(7.7)	(22.8)	10.4	10.8	24.2	5.1	0.3	13.3	2.4	(2.8)	(18.0)	(5.7)	3.82
2010	(2.4)	3.3	0.6	8.8	(6.3)	0.1	(2.4)	(7.7)	0.0	(0.2)	(0.0)	7.5	(0.17)
2011	8.0	(7.0)	2.6	6.8	(9.6)	5.3	(3.6)	7.5	3.2	1.1	(6.9)	(5.0)	(2.64)
2012	9.0	7.8	2.7	6.1	(10.8)	(3.0)	(3.2)	(5.8)	(2.2)	(2.4)	(4.1)	8.1	1.37
2013	14.3	(2.8)	1.8	(5.0)	7.6	(8.9)	0.6	(5.6)	2.5	(0.7)	0.4	(2.3)	1.67
2014	9.6	4.7	0.2	(2.9)	(3.4)	2.2	2.5	6.2	(6.6)	(0.3)	(6.4)	(4.4)	0.65
2015	5.1	2.4	(7.5)	1.5	0.8	3.6	4.2	(9.6)	(0.9)	7.5	(6.1)	0.5	0.50
2016	(7.0)	1.4	(0.8)	5.5	2.2	1.1	2.0	2.3	0.5	(2.6)	(2.7)	(1.2)	1.16
2017	1.6	(1.4)	(1.7)	(4.0)	(0.5)	1.9	(2.4)	(3.4)	(0.6)	0.8	10.1	0.3	3.32
2018	13.6	2.1	5.2	(9.8)	(6.7)	(0.3)	0.4	4.3	3.6	(9.3)	2.1	(2.9)	(0.81)
2019	1.4	5.4	1.0	(0.7)	(2.6)	(1.7)	3.8	(1.4)	0.7	(0.4)	(3.4)	(1.6)	0.62
2020	(3.7)	(7.0)	(26.1)	14.9	11.2	(5.7)	(4.4)	9.3	1.5	1.1	7.2	8.9	1.16
2021	(6.9)	8.0	(0.6)	1.4	4.6	3.5	(9.6)	(0.9)	(1.8)	5.0	(0.2)	(1.2)	2.58
2022	2.0	4.0	3.4	(5.1)	(2.2)	(4.1)	4.0	9.4	(8.3)	(5.9)	5.2	(0.7)	(3.26)
2023	9.4	(8.7)	2.9	(2.4)	1.5	3.2	8.2	(0.9)	(6.7)	(11.9)	5.4	2.3	0.96
2024	2.1	6.6	1.5	(6.8)	3.4	(2.3)	(0.5)	1.6	(0.6)	(2.8)	(2.1)	0.3	0.96
2025	(3.0)	0.3	(2.8)	(9.1)	5.8	0.4	6.3	9.1	(4.1)	(4.2)	0.2	2.6	2.90

Phần B	Xác suất ghi nhận tỷ suất sinh lợi bất thường dương theo từng tháng trong năm											
2001-2025	4.0	0.7	0.0	1.4	0.8	0.2	(1.7)	0.9	(0.8)	(2.0)	0.5	0.2
2011-2025	3.7	1.1	(1.2)	(0.6)	0.1	(0.3)	0.5	1.5	(1.3)	(1.7)	(0.1)	0.3
2015-2025	1.3	1.2	(2.3)	(1.3)	1.6	(0.0)	1.1	1.8	(1.5)	(2.1)	1.4	0.7
Phần C	Tỷ suất sinh lợi bất thường bình quân theo từng giai đoạn											
2001-2025	56	60	64	52	52	52	44	48	40	28	44	52
2011-2025	73	67	60	40	53	53	60	53	40	33	47	47
2015-2025	64	73	45	36	64	55	64	55	36	36	55	55

Nguồn: KIS Research

Thứ ba, tháng 1 và tháng 2 thường xuyên ghi nhận hiệu suất tích cực nhất, đồng thời có xác suất vượt trội cao nhất trong tất cả các giai đoạn được phân tích. Khi kết hợp, hai tháng này mang lại xác suất khoảng 70% ghi nhận mức tăng trưởng tích cực.

Do đó, mặc dù thị trường có thể tiếp tục đối mặt với những trở ngại trong ngắn hạn, nhà đầu tư có thể tận dụng nhịp điều chỉnh hiện tại như một giai đoạn tích lũy chiến lược, trước khi thị trường bước vào chu kỳ phục hồi theo yếu tố mùa vụ thường diễn ra từ tháng 11 đến tháng 2 năm sau.

Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của KIS Vietnam Securities Corp., công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp..

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. KIS Vietnam Securities Corp. không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. KIS Vietnam Securities Corp., hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của KIS Vietnam Securities Corp.. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2026 của KIS Vietnam Securities Corp.. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp.